

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 01/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 35/2023/QĐ-UBND ngày 28/8/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cấu trúc của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai; CN Đ

Căn cứ Quyết định số 1643-UBND ngày 27/6/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền Ban Quản lý các KCN Đồng Nai thực hiện thẩm định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo độ an toàn, cấp giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong cấp kết cấu hạ tầng tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 99/QĐ-CNĐN ngày 08/04/2024 của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai về thành lập Tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường dự án “Nhà máy sản xuất, gia công, lắp ráp và lắp ráp với quy mô 11.200 tấn/năm của Công ty TNHH JNJ IND tại đường N4, lô L, KCN Lộc An – Bình Sơn, Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ văn bản số 998/KCN-MT ngày 25/04/2024 của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường;

Xét đề nghị của Công ty TNHH JNJ IND Việt Nam tại văn bản số 01/JNJ đề ngày 23/05/2024 về việc chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường dự án “Nhà máy sản xuất, gia công, lắp ráp và lắp ráp với quy mô 11.200 tấn/năm tại đường N4, lô L, KCN Lộc An – Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai;

Thống nhất của Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường Khu công nghiệp Đồng Nai.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty TNHH JNJ IND (sau đây gọi là Chủ dự án) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất, gia công đai ốc, đinh vít và bu-lông (không bao gồm công đoạn xi mạ) với quy mô 11.200 tấn/năm” tại đường số N4, lô L, KCN Lộc An – Bình Sơn, xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

### 1. Thông tin chung của Chủ dự án:

1.1. Tên Chủ dự án: Công ty TNHH JNJ IND.

1.2. Địa điểm hoạt động: Đường số N4, lô L, KCN Lộc An – Bình Sơn, xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp: 3603613770 đăng ký lần đầu ngày 25/12/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 30/11/2023 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 7670203078 chứng nhận lần đầu ngày 14/12/2018, chứng nhận thay đổi lần thứ năm ngày 02/01/2024 do Ban quản lý các KCN Đồng Nai cấp.

1.5. Mã số thuế: 3603613770.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, gia công đai ốc, đinh vít và bu lông (không bao gồm công đoạn xi mạ).

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Tiêu chí về môi trường: Dự án nhóm II.

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Phạm vi: Diện tích khu đất của dự án: 35.600 m<sup>2</sup>.

- Công suất: Sản xuất, gia công đai ốc, đinh vít và bu-lông (không bao gồm công đoạn xi mạ) với quy mô 11.200 tấn/năm.

- Quy trình sản xuất:

+ Quy trình sản xuất bu lông, đinh vít: Nguyên liệu (thép cuộn) và Kim loại tra → Kéo → Thắt → Dũa → Cắt → Xử lý → Đẽo → Kiểm tra → Đóng gói, nhập kho

+ Quy trình sản xuất đai ốc nhỏ, đai ốc lớn: Nguyên liệu (thép cuộn) → Kim loại tra → Kéo → Gọt → Hàn → Kiểm tra → Đẽo → Kiểm tra → Đóng gói → Nhập kho → Xử lý nhiệt → Đẽo → Kiểm tra → Kiểm tra → Đóng gói → Nhập kho.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

### **Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chủ dự án:**

1. Chủ dự án có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Chủ dự án có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày      tháng      năm 2024 đến ngày      tháng      năm 2034).

**Điều 4.** Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 364/QĐ-KCNĐN ngày 19/11/2019 của Ban quản lý các KCN Đồng Nai đối với dự án “Nhà máy Công ty TNHH JNJ IND: Sản xuất, gia công đai ốc, đinh vít và bu-lông với quy mô 11.200 tấn/năm” tại đường N4, Lô L, KCN Lộc An – Bình Sơn, xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai hết hiệu lực kể từ ngày giấy phép môi trường có hiệu lực.

**Điều 5.** Giao Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường – Ban Quản lý các KCN Đồng Nai tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:***

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để báo cáo);
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Long Thành;
- Công ty CP ĐT và PT VRG Long Thành;
- Công ty TNHH JNJ IND (thực hiện);
- Website Ban Quản lý các KCN;
- Lưu: VT, MT (P).

**TRƯỞNG BAN**

**Nguyễn Trí Phương**

## PHỤ LỤC 1

### YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy *MGEMT-KrC* *ĐN* *Này*, *thời* *ng* *số*  
*n* *ă* *m* *2* *0* *2* *4* *B* *a* *n* *Q* *u* *ả* *n* *l* *ý* *c* *á* *c* *K* *C* *N* *t* *i* *n* *h*

#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh (sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn), nước thải từ nhà ăn (sau khi qua bể tách dầu mỡ) và nước thải từ vệ sinh văn phòng được thu gom đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Lộc An – Bình Sơn tại hố ga trên đường số 4.

- Đối với nước thải sản xuất từ quá trình rửa nước làm nguội từ công đoạn xử lý nhiệt và từ hệ thống xử lý khí thải công đoạn xử lý nhiệt được thu gom và chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý như chất thải nguy hại.

- Chủ dự án đã ký Hợp đồng xử lý nước thải với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển VRG Long Thành (là đơn vị quản lý hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Lộc An – Bình Sơn) theo Hợp đồng xử lý nước thải số 255/2021/XLNT-QLKT ngày 25/05/2021.

- Chất lượng nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp: Phải đạt giới hạn tiếp nhận của KCN Lộc An – Bình Sơn theo hợp đồng, thỏa thuận giữa Chủ dự án và đơn vị kinh doanh hạ tầng KCN Lộc An – Bình Sơn.

- Chủ dự án không được xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

#### B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

##### 1. Công trình, biện pháp thu gom nước mưa, nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

##### 1.1.1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nước thải sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên, lao động của dự án (phát sinh từ khu vực nhà xưởng, văn phòng, khu vực nhà bảo vệ) với tổng lưu lượng khoảng 5,5 m<sup>3</sup>/ngày được xử lý qua 03 bể tự hoại 03 ngăn, tổng thể tích 31,5 m<sup>3</sup> trước khi đầu nối về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Lộc An – Bình Sơn, huyện Long Thành, xã Long An, tỉnh Đồng Nai.

- Nước thải từ nhà ăn với lưu lượng khoảng với lưu lượng khoảng 1,6 m<sup>3</sup>/ngày sau khi qua bể tách dầu mỡ được thu gom đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Lộc An – Bình Sơn tại hố ga trên đường số 4 để tiếp tục xử lý.

- Nước thải từ vệ sinh văn phòng với lưu lượng khoảng 0,5 m<sup>3</sup>/ngày sẽ được thu gom đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Lộc An – Bình Sơn tại hố ga trên đường số 4 KCN để tiếp tục xử lý.

- Đối với nước thải sản xuất từ quá trình rửa nước làm nguội từ công đoạn xử lý nhiệt với lưu lượng khoảng  $0,96 \text{ m}^3/\text{ngày}$  và từ hệ thống xử lý khí thải công đoạn xử lý nhiệt với lưu lượng khoảng  $4,8 \text{ m}^3/\text{ngày}$  được thu gom và chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý như chất thải nguy hại.

1.1.2. Vị trí đầu nối nước thải:

- Vị trí: 01 hố ga đầu nối nước thải trên đường số 4.

- Tọa độ vị trí:  $X = 11936061$ ;  $Y = 417135$  (theo hệ toạ độ VN 2000, kinh tuyến trục  $107^{\circ}45'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

1.1.3. Lưu lượng đầu nối nước thải lớn nhất:  $7,6 \text{ m}^3/\text{ngày}$  đêm.

- Phương thức đầu nối thải: Tự chảy (24/24 giờ).

- Chất lượng nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp: Phải đạt Giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Lộc An – Bình Sơn theo thỏa thuận giữa Chủ dự án đã ký Hợp đồng xử lý nước thải với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển VRG Long Thành (là đơn vị quản lý hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Lộc An – Bình Sơn) theo Hợp đồng xử lý nước thải số 255/2021/XLNT-QLKT ngày 25/05/2021.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải: 03 bể tự hoại tổng thể tích  $31,5 \text{ m}^3$ .

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, hút hầm cầu định kỳ và mang đi xử lý đúng quy định.

- Đối với bể tự hoại: Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể, tránh tình trạng tắc nghẽn bồn cầu (phải thông bồn cầu và đường ống dẫn), tắc đường ống thoát khí bể tự hoại gây mùi hôi (phải thông ống dẫn khí).

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm đối với nước thải theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn tiếp nhận của KCN Lộc An – Bình Sơn và biện pháp kiểm soát, giám sát nước thải theo thỏa thuận với Chủ đầu tư xây dựng và

kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN (Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển VRG Long Thành), không được xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; lưu giữ số liệu tại dự án và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Lộc An – Bình Sơn để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

**PHỤ LỤC 2**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ**  
**MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

( K ề m t h e o G i ấ y h / ế P K V C T N Đ N t : g h ầ n g s ố  
n ă m 2 0 1 4 B a n Q u ả n l ý c á c K C N t i n h )

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**

**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn số 01: Bụi thải từ quá trình đánh bóng số 1.
- Nguồn số 02: Bụi thải từ quá trình đánh bóng số 2.
- Nguồn số 03: Khí thải từ quá trình hút hơi dầu công đoạn xử lý nhiệt.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:**

**2.1. Vị trí xả khí thải:**

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với 01 ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý bụi từ công đoạn đánh bóng (nguồn số 1) Tọa độ X: 11932056; Y: 417289.
- Dòng khí thải số 02: Tương ứng với 01 ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý bụi từ công đoạn đánh bóng (nguồn số 2) Tọa độ X: 11932052; Y: 417234.
- Dòng khí thải số 03: Tương ứng với 01 ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn xử lý nhiệt (nguồn số 3): Tọa độ X: 11932059; Y: 417230.

(Theo hệ tọa độ VN2000, Kinh tuyến trực 107<sup>0</sup>45, múi chiều 3<sup>0</sup>)

**2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:**

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 4.500 m<sup>3</sup>/giờ.
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 4.500 m<sup>3</sup>/giờ.
- Dòng khí thải số 03: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 30.000 m<sup>3</sup>/giờ

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí thải, xả thải liên tục 24/24 giờ khi phát sinh.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí đối với dòng khí thải số 01, 02, 03 phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ cột B, với các hệ số  $K_v = 1,0$ ;  $K_p$   $K_p$  theo tổng lưu lượng các nguồn thải và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
<b>I</b>	<b>Dòng xử lý bụi số 01 và số 02</b>			<i>Không thuộc đối tượng</i>	<i>Không thuộc đối tượng</i>
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /giờ	-		
2	Bụi	mg/Nm <sup>3</sup>	180		



TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
II	<b>Dòng xử lý khí thải số 03</b>			<i>thực hiện theo quy định</i>	<i>thực hiện theo quy định</i>
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /giờ	-		
2	Bụi	mg/Nm <sup>3</sup>	180		
3	CH <sub>4</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	15		

**Ghi chú:**

(1) Giá trị giới hạn cho phép theo: QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với  $K_v = 1,0$  và  $K_p$  theo tôn g l các nguồn thải) và QCVN 20:2009/BTNMT.

(2) Chủ dự án phải định kỳ kiểm tra, giám sát các nguồn phát sinh khí thải đảm bảo chất lượng khí thải từ các nguồn xả thải ra môi trường không khí phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với  $K_v = 1,0$  và  $K_p$  theo tôn g l các nguồn thải) và QCVN 20:2009/BTNMT.

**B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Khí thải từ quá trình hút hơi dầu tại công đoạn xử lý nhiệt được thu gom bằng chụp hút bằng vật liệu SS304 theo đường ống dẫn khí dẫn đường kính Ø700mm về hệ thống xử lý khí thải từ quá trình hút hơi dầu tại công đoạn xử lý nhiệt, công suất 30.000 m<sup>3</sup>/giờ để xử lý sau đó thoát ra bên ngoài qua 01 ống thải cao 15 m bằng thép thải.

- Khí thải từ máy đánh bóng được thu gom bằng chụp hút theo đường ống dẫn khí dẫn đường kính Ø550mm về 02 xử lý bụi tương ứng với 02 máy đánh bóng, công suất hệ thống 4.500 m<sup>3</sup>/giờ/hệ thống để xử lý sau đó thoát ra bên ngoài qua 02 ống thải cao 5,36 m bằng sắt tráng kẽm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Hệ thống xử lý khí thải dòng số 01 và dòng số 02.

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi → Chụp hút → Quạt hút → Túi vải → Ống thoát khí → Bụi, khí thải đạt quy chuẩn môi trường.

+ Công suất thiết kế: 4.500 m<sup>3</sup>/giờ/hệ thống.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Túi vải lọc bụi.

- Hệ thống xử lý khí thải dòng số 03.

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Hơi dầu → Chụp hút → Quạt hút → Cyclon ướt → Ống thoát khí thải → Khí thải đạt quy chuẩn môi trường.

+ Công suất thiết kế: 30.000 m<sup>3</sup>/giờ.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Nước.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ tiến hành kiểm tra các thiết bị thu gom chất thải; vệ sinh đường ống hút bụi, hút khí để tăng hiệu suất xử lý.

- Khi xảy ra sự cố, nhà máy cho ngừng vận hành ngay lập tức các dây chuyền sản xuất tương ứng với hệ thống xử lý khí thải bị sự cố. Phối hợp với các cơ quan chức năng để khắc phục sự cố. Chỉ đưa dây chuyền vào vận hành khi khắc phục xong sự cố.

- Bố trí công nhân vận hành thường xuyên, nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- 02 Hệ thống xử lý bụi tại công đoạn đánh bóng sản phẩm, công suất 4.500 m<sup>3</sup>/giờ/hệ thống.

- 01 Hệ thống xử lý khí thải công đoạn xử lý nhiệt, công suất 30.000 m<sup>3</sup>/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: theo 03 vị trí được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể như sau: Bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Có biện pháp kiểm soát chặt chẽ lưu lượng dòng khí thải, sử dụng nhật ký vận hành, lưu giữ số liệu và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường thường định kỳ hàng năm.

3.3. Thực hiện các công trình ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới luật, vận hành theo đúng quy trình kỹ thuật công nghệ; thường xuyên theo dõi, kiểm tra độ an toàn, làm việc của thiết bị máy móc.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.6. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

### PHỤ LỤC 3

## BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

( K ề m t h e o G i ấ y h / ế P K M T N Đ N t : g h ầ n g s ố  
n ă m 2 0 1 4 B a n Q u ả n l ý c á c K C N t i n h

#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

##### 1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:
  - + Nguồn số 1: Từ khu vực kéo thẳng, cắt, đập.
  - + Nguồn số 2: Từ khu vực máy đánh bóng số 1.
  - + Nguồn số 3: Từ khu vực máy đánh bóng số 2.
- Nguồn phát sinh độ rung: không phát sinh.

##### 2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung.

- + Nguồn số 1: Tọa độ: X: 11.932.050; Y: 417.288.
- + Nguồn số 2: Tọa độ: X: 11.932.049; Y: 417.231.
- + Nguồn số 3: Tọa độ: X: 11.932.055; Y: 417.233.

(Theo hệ tọa độ VN2000, Kinh tuyến trục  $107^{\circ}45'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ )

**3. Tiếng ồn:** Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn theo QCVN 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc theo QCVN 24:2016/BYT, cụ thể như sau:

STT	QCVN 26:2010/BTNMT		QCVN 24:2016/BYT		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Thời gian tiếp xúc với tiếng ồn (giờ)	Giới hạn cho phép mức áp suất âm tương đương ( $L_{aeq}$ ) - dBA		
1	70	55	8	85	-	Khu vực thông t h ồ n g

**4. Độ rung:** Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung theo QCVN 27:2010/BTNMT.

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực t h ô n ò n g t

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

### 1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Bố trí các máy móc hợp lý nhằm tránh tập trung các thiết bị có khả năng gây ồn trong khu vực. Các máy móc thiết bị thực hiện phục vụ sản xuất được bảo dưỡng bảo trì, thay thế các linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho phép trong môi trường sản xuất.

- Trang bị bảo hộ lao động (nút bịt tai chống ồn) cho lao động tại các khu vực phát sinh tiếng ồn nhiều. Đồng thời, có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động thường xuyên.

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.

- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

### 2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị.

**PHỤ LỤC 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA**  
**VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

( K ề m t h e o G i ấ y h / ế P K V C T N Đ N t : v g h ầ n g s ố  
n ă m 2 0 2 4 B a n Q u ả n l ý c á c K C N t i n h

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh dự kiến:**

**1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải lẫn dầu từ quá trình xử lý nước làm mát	Lỏng	05 01 02	KS	1.797.120
2	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công	Lỏng	07 03 05	NH	2.500
3	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện	Rắn	16 01 13	NH	50
4	Vụn kim loại dính dầu thải	Rắn	11 04 01	KS	4.600
5	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Lỏng	17 02 04	NH	480
6	Bao bì mềm thải	Rắn	18 01 01	KS	80
7	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 02	KS	260
8	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 03	KS	192
9	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	NH	8
10	Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	KS	300
11	Phoi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu bị mài ra lẫn dầu, nhũ tương hay dung	Rắn, Bùn	07 03 11	KS	450

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
	dịch thải có dầu hoặc các thành phần nguy hại khác				
<b>Tổng khối lượng dự kiến (kg/năm)</b>					<b>1.806.040</b>

**1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh dự kiến:**

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Nhóm giấy: Bao bì đóng gói hư hỏng, giấy carton, giấy vụn, giấy bỏ từ văn phòng	Rắn	18 01 05	TT-R	175
2	Nhóm nhựa: bao nylon, chai nước	Rắn	18 01 06	TT-R	102
3	Nhóm kim loại: Vụn thép, bi thép, sản phẩm không đạt tiêu chuẩn	Rắn	11 04 03	TT-R	2.820.000
4	Nhóm gỗ: Pallet gỗ	Rắn	11 02 02	TT-R	200
5	Bùn thải từ bể tự hoại	Bùn	12 06 13	TT	480
6	Hộp chứa mực in thải (mực in văn phòng)	Rắn	08 02 08	TT	6
<b>Tổng khối lượng dự kiến (kg/năm)</b>					<b>2.820.963</b>

**1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh dự kiến:**

TT	Mã chất thải	Khối lượng tối đa (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt nhóm thực phẩm	18
2	Chất thải rắn sinh hoạt còn lại	6
<b>Tổng khối lượng dự kiến (tấn/năm)</b>		<b>24</b>

## **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

### **2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa, phuy, can có nắp đậy.

2.1.2. Khu lưu giữ chất thải nguy hại:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 13,4 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu giữ: Kho lưu giữ chất thải nguy hại có tường bao và mái che, nền được gia cố bằng bê tông để chống thấm, có gờ phòng chống sự cố rò rỉ dầu và hóa chất ra môi trường bên ngoài. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã chất thải nguy hại, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa chất thải nguy hại được dán nhãn mã chất thải nguy hại, các thùng chứa chất lỏng như thùng phuy chứa dầu thải được đặt vào các khay kín chống rò rỉ hoặc dầu chảy tràn ra ngoài, các chất thải dạng rắn được sắp xếp thành các khu riêng biệt, có thùng phuy chứa cát khô và giẻ khô, thiết bị bình phòng cháy chữa cháy, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

### **2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy, bao nilon, thùng carton.

2.2.2. Khu lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 13,3 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu giữ: Kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường có tường bao và mái che bằng tôn, nền được gia cố bằng bê tông. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

### **2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy, dung tích chứa 120 lít và 240 lít đặt tại các khu vực nhà ăn, nhà vệ sinh, văn phòng làm việc và khu vực đường nội bộ xung quanh nhà máy.

2.3.2. Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt: 10 thùng loại 120 lít, 2 thùng loại 660 lít.

- Diện tích khu vực lưu chứa: 13,3 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu giữ: Kho lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt có tường bao và mái che bằng tôn, nền được gia cố bằng bê tông. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:**



### **1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại:**

Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

### **2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất:**

Hóa chất được lưu trữ riêng trong kho hóa chất có chống thấm, có gờ chống tràn và rãnh thu gom hóa chất đô tràn, đồng thời trang bị thiết bị, dụng cụ ứng cứu sự cố hóa chất chuyên dụng sẵn sàng ứng cứu khi có sự cố đặt tại kho hóa chất và các vị trí sử dụng hóa chất. Những người làm việc với hóa chất phải được đào tạo, nắm rõ MSDS (Material Safety Data Sheets) của hóa chất và tuân thủ các quy định về an toàn trong vận chuyển, bốc dỡ hóa chất, bảo quản, lưu trữ, sử dụng và thải bỏ hóa chất. Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất của dự án theo quy định.

### **3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:**

Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của dự án, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

## PHỤ LỤC 5

### CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

( K ề m t h e o G i á y h / ế C P K M C T N Đ N t : 1 9 9 8 s ó  
n ă m 2 0 2 4 B a n Q u ả n l ý c á c K C N t i n h )

#### A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

#### B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

#### C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Không.

#### D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện quan trắc nguồn thải, chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm và lưu giữ kết quả quan trắc môi trường theo đăng ký tại báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án và các quy định pháp luật hiện hành.
2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; công khai giấy phép môi trường; cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.
3. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh theo quy định nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu và giảm thiểu phát tán mùi hôi đối với dự án.
4. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của dự án theo quy định.
5. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của dự án; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của dự án.
6. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.
7. Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành. Đồng thời tuân thủ thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật

hiện hành.

8. Trong quá trình hoạt động nếu dự án có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển VRG Long Thành, UBND huyện Long Thành, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai và các cơ quan có liên quan. Chủ dự án chỉ được phép hoạt động lại sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

9. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho dự án.

10. Tuân thủ đúng các quy định tại Luật Hóa chất và các quy định khác có liên quan đến hóa chất.

11. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện quản lý sử dụng đất, trình tự thủ tục xây dựng, PCCC theo quy định pháp luật hiện hành

13. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./.

## **BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI**